

Bản số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoàn

Bà Dương Thị Thu Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Hoàng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 1 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Diệp Thị M, sinh năm 1988/ có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985/ vắng mặt lần thứ hai.

Cùng trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Diệp Thị M trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh T ở xóm H, xã V, huyện Đ. Vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến năm 2012 thì chị M phát hiện anh T nghiện ma túy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do anh T nghiện ngập nên không tu chí làm ăn, vợ chồng thường cãi vã và thậm chí anh T còn đánh chị nên chị M nhận thấy cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Đến năm 2018, chị M quyết định sống ly thân với anh T cho đến nay và không còn quan T1 đến nhau nữa.

Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 06/10/2009 và Trần Hải D, sinh ngày 28/11/2012. Hiện nay chị M gửi các con cho ông bà nội chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con vì anh T thường xuyên vắng nhà, bản thân anh T nghiện ma túy không có điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết vì theo chị thì từ trước đến nay vẫn chỉ có một mình chị nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn T: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh T để thông báo về việc thụ lý vụ án và để anh T đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh T đang đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà, bản thân anh T không hợp tác giải quyết việc ly hôn. Tòa án đã lập biên bản làm việc với ông Trần Trung T1 – bố đẻ của anh T để xác minh tình trạng hôn nhân của chị M – anh T và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T. Tại biên bản làm việc ngày 02/02/2021 ông T1 cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của chị M – anh T như sau: Chị M - anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu nhau, được cả hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị M và anh T cùng chung sống với nhau tại xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, vợ chồng cùng nhau đi làm ăn ở Trung Quốc đến năm 2016 thì về quê nhà. Anh T ham mê cờ bạc, không tu chí làm ăn nên chị M chán nản, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đến năm 2018, vợ chồng quyết định sống ly thân cho đến nay. Đến thời gian gần đây, khi anh T nhận được thông báo của Tòa án về việc đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị M thì hai bên gia đình đã nói chuyện về việc vợ chồng không sống được với nhau thì ly hôn nhưng anh T không có ý kiến gì. Từ đầu năm 2021 anh T mới đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Ông T1 vẫn thường xuyên liên lạc với anh T và đã cam kết sẽ giao trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn với anh T.
- Về con chung: Đề nghị giao con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 06/10/2009 và Trần Hải D, sinh ngày 28/11/2012 cho chị Diệp Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết
- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.
- Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Diệp Thị M khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Trần Văn T. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã V huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Thị M và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, mâu thuẫn vợ chồng là do chồng nghiện ma túy, ảnh hưởng đến kinh tế, hạnh phúc gia đình. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng chị M và anh T sống ly thân nhau, không còn quan T1 đến nhau và cuộc sống chung. Mặt khác, qua xác minh với thân nhân của anh T cũng xác định vợ chồng chị M và anh T đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Tại phiên Tòa chị M cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để giải quyết. Hội đồng xét xử đã động viên chị M suy nghĩ, xem xét quay về đoàn tụ vợ chồng cùng nuôi dạy con chung nhưng chị M vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm vợ chồng với anh T đã hết. Xét thấy chị M và anh T không còn quan T1 chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu

cầu xin ly hôn của chị M được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Diệp Thị M được ly hôn với anh Trần Văn T.

[3] Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 06/10/2009 và Trần Hải D, sinh ngày 28/11/2012. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con vì anh T đi làm ăn xa và không có điều kiện để nuôi con. Xét lời khai của chị M, lời trình bày nguyện vọng của cháu Y, cháu D, biên bản xác minh của Tòa án qua thân nhân của anh T về việc hiện tại anh T đang đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà không trực tiếp chăm nom cho các con mà do ông bà nội chăm nom. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị M về việc nuôi cả hai con chung để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các con cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M Không yêu cầu giải quyết về tài sản và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Diệp Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Diệp Thị M, cho chị Diệp Thị M được ly hôn anh Trần Văn T.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 06/10/2009 và Trần Hải D, sinh ngày 28/11/2012 cho chị Diệp Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết

Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ chăm sóc và thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: Chị Diệp Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006579 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là chị Diệp Thị M biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Trần Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nhường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hữu Nường

